

Lê Văn Duyệt

Những Đóng Góp Ngoại Giao

Đầu Thế Kỷ 19

Lê Văn Duyệt (1764 - 1832) vốn gốc người Sơn Tây, Vĩnh Yên, song tổ tiên ông đã rời Bắc vào Nam cư trú tại làng Bồ Đề tỉnh Quảng Ngãi, rồi từ đó đi vào Nam. Năm 1764, tại Mỹ Tho, Lê Văn Duyệt cất tiếng khóc chào đời.

Trong lịch sử Việt Nam cận đại, Lê Văn Duyệt được biết đến như một võ tướng dũng mãnh và cơ mưu (sách sử thường ca ngợi ông bằng danh hiệu hổ tướng). Song ông còn là một nhà ngoại giao xuất sắc. Lịch sử Việt Nam trong đầu thế kỷ XIX đã ghi nhận nhiều thành tích của Lê Văn Duyệt, nhất là trên lĩnh vực ngoại giao.

Từ nhỏ, ông đã nuôi chí lớn, ông thường than "sinh ở thời loạn, không kéo cò giống trống làm đại tướng để tìm công danh lưu sử sách thì không xứng đáng là tài trai". Do có tật ản cung gia truyền, sinh ra là người giám, năm 1780 Lê Văn Duyệt được tuyển vào làm thái giám phục dịch trong dinh chúa Nguyễn. Bước khởi đầu cho sự nghiệp của ông là khi được Nguyễn Ánh cho phép cầm quân vào năm 1788. Đến năm 1790 ông đã lập nên chiến công, vừa có sức khỏe, vừa có cơ mưu, Lê Văn Duyệt dần dần trở thành một nhân vật chủ chốt dưới triều Nguyễn, được Nguyễn Ánh sau khi xưng vương tin dùng. Dưới triều Gia Long, Lê Văn Duyệt đã lập được nhiều thành tích về nội trị và ngoại giao.

Năm 1802, khi Gia Long ngự vào Quảng Nam, Lê Văn Duyệt được thay mặt vua trấn giữ đế kinh và ông đã hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách hoàn hảo. Đặc biệt ông đã thể hiện được tài năng của mình trên lĩnh vực ngoại giao, và đã chứng tỏ là một nhà ngoại giao có tầm nhìn xa trông rộng, có uy tín và vai trò quan trọng khi giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Có thể lược qua vai trò của ông trong việc điều chỉnh một cách khôn khéo các mối quan hệ khu vực, theo chiều hướng có lợi cho an ninh ổn định của Việt Nam trong đầu thế kỷ XIX.

* Trong mối quan hệ với Xiêm La qua "vấn đề Chân Lạp": Vương quốc Chân Lạp từ nửa sau thế kỷ XVII luôn có sự tranh giành quyền lực trong nội bộ hoàng gia, đất nước suy yếu phải nương nhờ sự bảo vệ của Nguyễn Vương ở Gia Định. Nhưng đến khi Gia Định thất thủ (về tay Tây Sơn) thì quyền bảo hộ nước Chân Lạp thuộc về Xiêm La. Năm 1807, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân bỏ Xiêm La xin về thần phục vua Việt Nam, cứ theo lệ 3 năm tiến cống một lần. Từ đó quan hệ giữa nước ta và Chân Lạp diễn tiến tốt đẹp mang tính hòa hiếu. Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Xiêm La sau khi Gia Long lên ngôi cũng không có sóng gió gì, tuy nhiên, vấn đề bảo trợ Chân Lạp vẫn là một trở ngại trong quan hệ Việt - Xiêm.

Vào năm 1811, anh em Nặc Ông Chân bất hòa, Xiêm nhân cơ hội đem quân sang giúp các em của Ông Chân, nhằm cướp ngôi vua, vua Chân Lạp phải chạy sang Gia Định cầu cứu nhà Nguyễn. Gia Long sai sứ đưa thư phản đối vua Xiêm, và giao Lê Văn Duyệt toàn quyền giải quyết những vướng mắc trong quan hệ giữa 3 nước. Lúc này quân Xiêm đã vào Chân Lạp, chiếm thành La Bích, các kho quân nhu, thóc gạo, tiền bạc. Biết triều đình Việt Nam bất bình về sự can thiệp này, vua Xiêm gửi quốc thư biện bạch hành động can thiệp của mình chỉ nhằm hòa giải anh em vua Chân Lạp. Gia Long bên ngoài giả tin lời, và phái Lê Văn Duyệt - lúc này là Tổng trấn Gia Định thành - đem 13.000 lính, hội với quân Xiêm đưa vua Chân Lạp về nước.

Xiêm La tuy không dám phản ứng, nhưng vẫn còn lưu quân ở lại Battambang có ý đồ phong đất ấy cho các em của Nặc Ông Chân. Lê Văn Duyệt đã viết một bức thư trách Xiêm La về điều

ấy, buộc quân Xiêm phải rút quân khỏi Battambang sau đó. Sử sách đã ca ngợi rằng: "Tổng trấn họ Lê chỉ viết một bức thư, cũng đủ khiến quân Xiêm bỏ Battambang rút lui về biên giới". Lê Văn Duyệt đã viết rằng: "Xiêm Vương cũng muốn Nặc Chân, Nặc Nguyên (Nặc Chân anh ruột Nặc Nguyên) nguôi lòng thù oán, trọn nghĩa anh em, nay Chân đã về Chân Lạp, có sao Xiêm chưa rút quân về? Cứu tai nạn thương lân quốc, làm nhơn đức mà thỏa lòng người, ấy là đạo người xưa đó. Nếu trước làm nhơn đức mà sau gây thù oán, kéo quân sang đóng Chân Lạp, chẳng trái lẽ hay sao? Huống chi Nặc Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không xiết kể... Thử nghĩ rằng chẳng lẽ nào mà thiên hạ ai cũng muốn giết, lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao?".

Với lý lẽ xác đáng vừa có tình vừa có ngẫm ý cứng rắn ông lên án Xiêm, khiến Xiêm phải lui quân. Sau khi Xiêm rút khỏi Chân Lạp, Lê Văn Duyệt ổn định, chấn chỉnh tình hình ở đó, ông cấm quân đội cướp phá, những nhiễu, lấy uy tín cổ vũ để dân chúng yên tâm làm ăn. Ông sáng suốt tâu lên vua: "Xiêm muốn lấy Chân Lạp, phải lấy Nặc Nguyên làm mồi, ta muốn che chở Gia Định phải cho Nặc Chân làm tôi". Theo ông, muốn bảo đảm an ninh vùng biên giới Tây - Nam phải phòng bị cho Nặc Chân, đắp thành bảo vệ, xây thành trữ lương rồi lưu binh bảo vệ Chân Lạp, đại binh rút về. Và như vậy nếu Xiêm muốn động binh đánh nhau ta cũng có lực lượng đối phó, còn không thì vẫn giữ vững quan hệ hòa hiếu. Theo ý ông, quân ta xây thành Nam Vang (Phnom Penh) và Lô Yêm, rồi cử Nguyễn Văn Thụy lãnh 1.000 quân ở lại giữ thành Nam Vang bảo vệ Chân Lạp. Bằng những biện pháp kết hợp đấu tranh chính trị - ngoại giao và quân sự, vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo, rắn đe đi với phủ dụ, Lê Văn Duyệt đã buộc Xiêm phải lui quân, không can thiệp vào nội tình Chân Lạp mà vẫn giữ được quan hệ hòa bình giữa ta và Xiêm La, ổn định tình hình biên giới, có biện pháp phòng vệ thành Gia Định từ xa hiệu quả.

* Đối với Chân Lạp, Lê Văn Duyệt luôn tôn trọng chủ quyền của nước này, song để giữ thanh thế của Việt Nam ông rất nghiêm ngặt và lễ nghi. Khi tình hình Chân Lạp đã yên, vua Gia Long đề nghị vua Chân Lạp nên sai sứ sang thông hiếu với Xiêm La, cốt giữ quan hệ 3 nước trong hòa bình và tốt đẹp lâu dài.

Trong đối sách với bên ngoài, Lê Văn Duyệt chủ trương đề cao uy thế của đất nước, tránh mọi sự khinh nhờn. Theo Quốc triều chánh biên ghi lại - thời đó ai ai cũng kính sợ Duyệt, nhất là người Xiêm, hễ cứ có sứ Việt sang, họ đều hỏi về "Ông Duyệt". Nhưng lịch sử khắc nghiệt biết bao, hai mươi năm sau đó, chính con nuôi của ông phản lại công nghiệp của cha mình - dấy loạn cầu cứu Xiêm, tạo điều kiện cho quân Xiêm vào cướp phá nước ta và đánh chiếm Chân Lạp.

* Trong quan hệ với Vạn Tượng: Từ cuối thế kỷ XVIII, Vạn Tượng vốn thần phục Xiêm. Khi Nguyễn Ánh xưng vương, oai thế lừng lẫy, thì Vạn Tượng cũng sang xin bảo trợ, chịu thần phục và triều cống. Năm 1826, nhân nội tình nước Xiêm lộn xộn, vua Vạn Tượng là Châu A Nô đã nổi dậy muốn từ bỏ ách thống trị của Xiêm, việc không thành phải chạy sang cầu cứu triều đình Huế (1827). Lê Văn Duyệt đã dâng biểu điều trần lên vua: "Vạn Tượng là nước Phiên... triều đình nên theo đại nghĩa đừng bỏ họ". Ông đánh giá thực chất mối quan hệ Việt - Xiêm là "Tuy giao lân kỳ thực địch quốc. Nếu Vạn Tượng bị lấy đi thì Xiêm cùng ta bờ cõi giao tiếp, tôi e như vậy là có người ngủ ngáy ôm bên cạnh khó cho mình an giấc...".

Về sau Việt Nam đánh đuổi được Xiêm La về nước, ngoài Vạn Tượng, một số xứ Lào khác cũng xin nội thuộc Việt Nam. Ảnh hưởng Việt Nam vào đầu thời Nguyễn được phát huy rộng khắp, bờ cõi biên cương được mở rộng và củng cố. Lê Văn Duyệt đã đóng góp một phần quan trọng vào những thành tích đó.

* Trong quan hệ với phương Tây, thời kỳ Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định thành, ông đã duy trì tốt đẹp những mối quan hệ với các tàu thuyền ngoại quốc đến Gia Định như tàu của Anh, Pháp, ông không phân biệt nước này hay nước khác miễn là họ tôn trọng luật pháp Việt Nam. Ông không bao giờ cự tuyệt với các nước phương Tây đến Gia Định xin thông thương

hoặc giao hảo. Lê Văn Duyệt là người đã gặp gỡ tiếp xúc với John White, đại diện cho nước Mỹ đến Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XIX. John White nhận xét "quan lớn (chỉ Lê Văn Duyệt - ĐD) nói chuyện với tôi rất tự nhiên, bỏ hết mọi kiểu cách long trọng cao quý, mọi nghi lễ về địa vị lớn lao của ngài. Chiến tranh, chính trị, phong tục, kiểu cách tại các nước châu Âu là đề tài mà ông đặc biệt chú trọng".

Đường lối ngoại giao của Lê Văn Duyệt rõ ràng không phù hợp với chính sách "Không phương Tây" của Minh Mạng sau này. Thêm vào đó, vốn tính nhà võ thẳng thắn, bộc trực, tất nhiên ông bị nhiều triều thần ganh ghét. Cuối cùng, Lê Văn Duyệt cũng không thoát khỏi số phận của phần lớn các công thần dưới thời phong kiến: "Mưu cao chí cả vua chúa dễ nghi ngờ, danh vọng lẫy lừng, đồng僚 ghen ghét, hưởng hồ chính các công thần lại cũng ghen ghét xâu xé lẫn nhau thì trách chi cái họa "điều tận cung tàn" (chim hết cung vút bỏ) của các ông Hoàng đế".

Năm 1832 ông qua đời, sau khi Lê Văn Khôi dấy loạn, Minh Mạng giao đình thần luận tội và kết án ông đã phạm 7 tội nên trảm, 2 tội nên giảo, 1 tội nên lăng trì!

Đến thời Tự Đức, ông mới được giải oan, được truy phục nguyên hàm, song nỗi oan của ông trong nhiều năm qua vẫn là một bài học về thân phận con người trong chế độ chuyên chế. Dẫu sao, lịch sử vẫn ghi nhận ông là bậc danh tướng trong đầu thế kỷ XIX, với sự nghiệp xây dựng Gia Định thành, việc quan hệ với các nước láng giềng, duy trì những tình cảm, ấn tượng tốt đẹp của các nước phương Tây khi đến Gia Định. Ông xứng đáng như lời ca ngợi của Jean Chaigneau Nguyễn Văn Thắng trong Souvenir de Hué:

"Tả quân là một người có nghị lực siêu quần, một võ tướng trí dũng song toàn, một nhà cai trị dân có uy, có ân ai ai cũng kính nể, nhưng rất mến phục, vì người công bình chính trực".

Trong phần sử liệu về thành tích của Lê Văn Duyệt, nhà sử học Nguyễn Thiệu Lâu cũng đã viết:

"Lê Tổng trấn đã chứng tỏ cho chúng ta biết rằng ngài không những là nhà cai trị giỏi, mà là nhà quân sự ngoại giao nhìn xa, thấy rộng để bảo vệ toàn cõi Gia Định".

(Xưa nay, Số 44B tháng 10/97)